

# Một số nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng hoạt động buôn bán trên tuyến biên giới giữa miền Nam Việt Nam và Campuchia giai đoạn 1963 - 1975

PHẠM THỊ HỒNG HÀ\*

**Tóm tắt:** Kể từ năm 1963, chính quyền Việt Nam Cộng hòa và Vương quốc Campuchia đã cắt đứt quan hệ ngoại giao. Tuy nhiên, hoạt động buôn bán qua biên giới giữa miền Nam Việt Nam và Campuchia vẫn rất sôi động dưới cả hai dạng thức chính ngạch và tiểu ngạch. Đồng thời, bài viết lý giải các nguyên nhân chủ yếu của hiện tượng này, bao gồm ba nguyên nhân chính: nhu cầu hàng hóa của vùng giải phóng, nhu cầu trao đổi của các cư dân sống ở hai bên biên giới, và nhu cầu buôn bán của chính các quan chức chính quyền Sài Gòn.

**Từ khóa:** Miền Nam Việt Nam; Campuchia; Biên giới; Buôn bán.

## 1. Khái quát về vùng biên giới giữa miền Nam Việt Nam - Campuchia và những chính sách kiểm soát biên giới

Vị trí của các tỉnh biên giới phía Tây Nam Việt Nam liền kề với các tỉnh của Campuchia như sau: Tỉnh An Giang liền kề với tỉnh Takeo và Kandal của Campuchia; Tỉnh Kiến Phong thì liền kề với tỉnh Prey Veng; Tỉnh Kiến Tường thì liền kề với tỉnh Svay Rieng; Tỉnh Long An gần với Chipou của Campuchia. Trong đó, những địa điểm đặc biệt sôi động cho việc vận chuyển, lưu trữ và phân phối hàng hóa ở vùng biên giới phía Việt Nam là các huyện: Tịnh Biên, Châu Đốc, Tân Châu, Hồng Ngự (Kiến Phong), Tuyên Bình, Mộc

Hóa và các khu vực dọc biên giới của tỉnh An Giang<sup>(1)</sup>.

Về giao thông, hệ thống giao thông của miền Nam Việt Nam thì dựa chủ yếu vào giao thông đường bộ và đường thủy theo hệ thống sông, kênh rạch, trong đó có kênh Vĩnh Tế chảy dọc theo lãnh thổ của An Giang, sông Châu Đốc, Sờ Thượng, Sờ Hạ, Thông Bình, Cái Cài. Đặc biệt, sông Tiền và sông Hậu là hai con sông lớn nhất kết nối không chỉ Campuchia với miền Nam Việt Nam mà còn kết nối cả cảng Phnom Penh - thương cảng quan trọng của Campuchia với các nước khác. Vì thế hai con sông này cũng đồng thời đóng vai trò quan trọng trong kinh tế thương mại của

\* TS. Phạm Thị Hồng Hà, Viện Sử học

Campuchia<sup>(2)</sup>. Về đường bộ, từ Phnom Penh, có hai tuyến đường bộ ngắn chạy tới biên giới của Kiên Giang và Châu Đốc. Theo tính toán, ít nhất hàng ngày có khoảng 1.200 tấn hàng hóa được vận chuyển trên những tuyến đường này trong năm<sup>(3)</sup>. Các phương tiện như xe bò, xe máy, xe đạp và xe kéo tay có thể di chuyển thuận lợi trên các con đường trên trong mùa khô.

Từ giữa thập niên 60 của thế kỷ XX, khu vực biên giới giữa VNCH và Campuchia chịu tác động lớn của những chính sách kiểm soát hàng hóa và ngăn chặn hoạt động buôn lậu xuyên biên giới của chính quyền Sài Gòn, cụ thể là:

- *Kiểm soát việc lưu thông của giao thông đường thủy*

Từ giữa những năm 1960, do căng thẳng trong quan hệ chính trị, ngoại giao giữa chính quyền Sài Gòn và Campuchia, cũng như muốn tăng cường an ninh quốc gia, chính quyền Sài Gòn đã ra quy định mới nhằm hạn chế việc thông thương trên sông Mekong. Trong hai năm 1964 và 1965, chính quyền Sài Gòn đã ra các chỉ thị quy định: (1) Các tàu thuyền của các nước cộng sản và những hàng hóa được vận chuyển từ các cảng của các nước cộng sản thì không được lưu chuyển trên sông Mekong; (2) Việc vận chuyển vũ khí, đạn dược và các loại hàng hóa quân sự đều phải có sự cho phép của chính quyền và chính quyền được phép kiểm tra các loại hàng trên<sup>(4)</sup>. Thậm chí để trả đũa việc chính quyền Campuchia thừa nhận Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (tháng 6/1967), trong các năm 1968, 1969 chính quyền Sài Gòn đã vài lần đóng cửa sông Mekong, tăng cường kiểm tra các tàu thuyền di chuyển qua sông Mekong đến Phnom Penh<sup>(5)</sup>.

- *Đối với biên giới trên đất liền*, trước năm 1964, Campuchia không có trạm gác nào ở dọc biên giới. Từ năm 1965, cả chính quyền Sài Gòn và Campuchia đều thiết lập các trạm gác dọc hai bên biên giới, đặc biệt ở phía biên giới của tỉnh An Giang (với 80km đường biên nhưng có tới 20 trạm kiểm soát)<sup>(6)</sup>. Đầu năm 1969, để tiêu diệt những căn cứ hậu cần của lực lượng giải phóng ở gần biên giới, Mỹ và chính quyền Sài Gòn tăng cường bắn phá các khu vực biên giới, dọc sông Vàm Cỏ cũng như thiết lập khu vực “vành đai trắng”, trong đó tỉnh Kiến Phong và Kiến Tường cũng trong phạm vi này<sup>(7)</sup>.

Mặc dù cả hai phía đã áp dụng nhiều biện pháp quản lý, kiểm soát nhưng các hoạt động buôn bán ở khu vực biên giới vẫn diễn ra với quy mô ngày càng lớn. Trong giai đoạn 1965-1969, lượng hàng hóa xuất khẩu của Campuchia sang thị trường miền Nam đứng vị trí thứ 5 (sau Hongkong, Singapore, Pháp và Senegal). Đến năm 1971, miền Nam Việt Nam đã trở thành thị trường xuất khẩu chính của Campuchia, thậm chí đã chiếm hơn nửa tổng số hàng xuất khẩu của Campuchia<sup>(8)</sup>. Giá trị hàng hóa được vận chuyển từ Campuchia qua biên giới vào miền Nam Việt Nam ước tính là 1 tỷ đồng (tiền chính quyền Sài Gòn), và hàng vận chuyển từ miền Nam Việt Nam sang Campuchia ước tính là 500 triệu Riel Campuchia (tức khoảng 5 triệu đôla). Lượng hàng hóa xuất nhập khẩu của các nước tư bản vận chuyển tới Campuchia qua con đường chính ngạch trên hai sông Tiền và sông Hậu hàng năm là 1.392.000 tấn<sup>(9)</sup>. Ngoài ra, còn một lượng lớn hàng được vận chuyển và buôn bán ở khu vực biên giới hai nước bằng con đường tiểu ngạch và buôn lậu. Trong năm 1973, có ít nhất 600 tấn gạo được vận chuyển từ

vùng châu thổ vào tay lực lượng giải phóng mỗi tháng tại điểm trao đổi Hồng Ngự (tỉnh Kiến Phong)<sup>(10)</sup>. Báo cáo của chính quyền Sài Gòn và Hoa Kỳ cũng cho biết tại điểm chợ Krachap (thuộc tỉnh Prey Veng – Campuchia) cứ 30 phút lại có khoảng 500 tàu tam mảnh lớn của quân giải phóng miền Nam phối hợp với quân đội Campuchia di chuyển tự do từ Hồng Ngự đi dọc biên giới tới chợ Krachap<sup>(11)</sup>.

Mật độ lưu thông trên đã cho thấy khối lượng hàng được vận chuyển cho biên giới là khá cao bất chấp sự kiểm soát và phong tỏa biên giới của Hoa Kỳ và VNCH.

## **2. Nguyên nhân của sự gia tăng hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa khu vực biên giới giữa miền Nam Việt Nam và Campuchia**

### ***2.1. Khu vực biên giới là địa bàn buôn bán truyền thống của cộng đồng cư dân ở hai bên biên giới***

Người Việt Nam và Campuchia sống ở khu vực biên giới chủ yếu bằng nghề trồng cây và đánh bắt. Cư dân ở đây thường xuyên đi lại tự do trong vùng biên giới mà không theo các luật lệ nhập cư và hải quan<sup>(12)</sup>. Riêng khu vực biên giới của các tỉnh An Giang, Kiến Tường, Kiến Phong đã có 16 điểm xuất – nhập hàng là: Tỉnh An Giang có: chợ PhChea Pdy, Thâm Đưng, Lộ Đức, Đưng Thặng, Bắc Day, Long Bình, Bạc Chay, Dục Lài, Mường Vú, Vĩnh Xương. Tỉnh Kiến Phong có các khu vực trao đổi hàng hóa như: Thường Phước, Thường Thới Hậu, Dinh Bà, Thông Bình; Tỉnh Kiến Tường có các điểm buôn bán chính như: Sông Trăng, chợ Vàm Đôn, chợ trời Thái Trị.

Tỉnh An Giang có các chợ nằm dọc các con sông và việc buôn bán của thương

nhân được tiến hành cả bằng đường sông và đường bộ. Người dân ở tỉnh Kiến Phong và Kiến Tường mua gạo từ Campuchia sau mùa gặt và sau đó lại bán lại cho cư dân ở những vùng nghèo. Đặc biệt, huyện Vĩnh Xương và Long Bình (thuộc tỉnh An Giang) có số lượng thương nhân hoạt động tích cực và thường xuyên giữa các vùng<sup>(13)</sup>.

Về phía biên giới của Campuchia, dân cư ở đây chủ yếu là nuôi gia cầm và gia súc. Tỉnh Kandal (Campuchia) có nhiều ao hồ nuôi cá được bán cho miền Nam Việt Nam. Ngoài ra, người Việt ở Campuchia còn thuê các đồng ruộng của người Campuchia để trồng cây và trả thuế cho chính quyền địa phương. Họ về Việt Nam để mang cá và rau tới Campuchia để bán. Một lượng lớn hàng hóa là cà chua và rau được bán cho thương nhân Campuchia để tiêu thụ ở thủ phủ tỉnh Svay Rieng và các huyện lân cận<sup>(14)</sup>.

Trong hoạt động buôn bán ở khu vực biên giới, hầu hết người Hoa là những thương nhân chuyên nghiệp, trong khi người Việt Nam và Campuchia mới bắt đầu tham gia vào hoạt động thương mại. Người Hoa sở hữu những phương tiện vận chuyển hàng hóa và có đội ngũ chân rết ở khắp nơi. Đặc biệt là họ đều có những đại diện ở các điểm xuất nhập để theo dõi các kênh cung cấp hàng, nghiên cứu tình hình hàng hóa và những thay đổi trong giá cả hàng hóa, hỗ trợ các hoạt động vận chuyển và trả chi phí vận chuyển. Ngoài ra, những thương nhân nhỏ, mới hoạt động trong nghề từ 3-4 năm, buôn bán các loại hàng và hợp tác với những chủ tàu, thuyền buôn. Những người này thường phải quan hệ mật thiết với các thương nhân nhỏ khác để phân phối hàng hóa trong Campuchia và ở các huyện của miền Nam Việt Nam<sup>(15)</sup>. Nhìn chung, để hoạt động buôn bán diễn ra thuận lợi, hầu hết các thương nhân đều

phải dựa vào chính quyền và những trạm quân sự để giành sự độc quyền trong buôn bán. Tuy nhiên, họ đều phải giữ mối quan hệ mật thiết với lực lượng biên phòng và dưới sự kiểm soát của lực lượng biên phòng hai bên.

## **2.2. Hoạt động buôn bán, vận chuyển của lực lượng cách mạng ở miền Nam Việt Nam**

Làng mạc ở khu vực biên giới thường đông dân cư và dưới sự kiểm soát của nhiều lực lượng. Tuy nhiên, theo tài liệu của Hoa Kỳ thì khu vực biên giới của châu thổ sông Mekong (bao gồm tỉnh Kiến Phong, Kiến Tường, Long An) vào cuối những năm 1960 phần lớn do lực lượng giải phóng kiểm soát<sup>(16)</sup>. Tại khu vực biên giới đã diễn ra những hoạt động vận chuyển của lực lượng cách mạng miền Nam Việt Nam thông qua những cơ sở mà chính quyền Sài Gòn gọi là các cơ quan thu mua của “Việt cộng”<sup>(17)</sup>.

Lực lượng cách mạng đã sử dụng những chợ chính ở vùng biên giới thành những điểm thu mua gạo phục vụ cho cách mạng như chợ Ca Sách, Logo (huyện Koh Thom, tỉnh Kandal), làng Krachap (huyện Kampong Trabek của tỉnh Prey Veng) và làng Lok (huyện Kampong Trach, tỉnh Kampot). Tất cả những chợ này đã được các thương nhân, người buôn lậu và các cán bộ của lực lượng giải phóng sử dụng thường xuyên để liên hệ với các khu vực dưới quyền kiểm soát của chính quyền Sài Gòn<sup>(18)</sup>. Theo đánh giá của phía Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn, thông qua việc kết hợp các kênh buôn bán thông thường và các biện pháp vận chuyển kín, những đơn vị “cộng sản” có thể đã thu mua và vận chuyển nhiều hàng tiếp tế thông qua Campuchia chủ yếu là gạo, thực phẩm, thuốc men, vải vóc và những hóa chất cốt yếu<sup>(19)</sup>.

Cục tình báo Trung ương Mỹ (CIA) đã thu thập được thông tin và phương thức trao đổi hàng hóa như sau: những người lính ở các đơn vị của lực lượng giải phóng liên lạc với người dân địa phương để trao đổi thực phẩm, thuốc lá và chuyển gạo tới các địa điểm ở biên giới. Các cơ sở thu mua của cách mạng cứ người đi mua hàng tiếp tế ở các chợ trong lãnh thổ Campuchia và tận dụng nhiều nhà nhập khẩu hợp pháp cùng mạng lưới cộng sản cách mạng ở Phnom Penh. Hàng hóa tiếp tế được các tổ chức hoặc các nhóm vận chuyển qua biên giới dưới hình thức buôn lậu bí mật, khối lượng hàng hóa này có thể khoảng 12 tấn hàng/ngày được chuyển vào miền Nam Việt Nam<sup>(20)</sup>. Theo lời kể của các quan chức cấp tỉnh của chính quyền Sài Gòn, các cán bộ “Việt cộng” đã vận chuyển hàng hóa từ Châu Đốc, chia hàng thành những gói nhỏ, giấu chúng ở những địa điểm dọc các con kênh. Người từ Campuchia sẽ sang vào ban đêm và lấy những túi đồ đi mang đến chợ Logo (tỉnh Kandal)<sup>(21)</sup>. Bằng hình thức này, lực lượng giải phóng có thể kết nối với các nước khác trên thế giới và nhận viện trợ từ phía các nước này.

Trong những năm 1972, 1973, chính quyền Sài Gòn tiến hành *chính sách bao vây kinh tế* ở khu vực biên giới gồm có các tỉnh Châu Đốc, huyện Hà Tiên của tỉnh Kiên Giang, huyện Hồng Ngự của tỉnh Kiến Phong nhằm bóp nghẹt nguồn lương thực tiếp tế của các lực lượng giải phóng và tăng cường bắt giữ những người vận chuyển trái phép qua biên giới<sup>(22)</sup>. Theo báo cáo của Hoa Kỳ, chỉ trong vòng 10 tháng trong năm 1973, đã có 1.125 người bị bắt giữ ở Tân Châu vì vi phạm trong việc buôn bán<sup>(23)</sup>. Số vụ vi phạm buôn bán trái phép ở các huyện biên giới so với toàn vùng IV chiến thuật chiếm 1/3, trong đó

40% các vụ bắt giữ là ở các huyện Hồng Ngự, Hà Tiên và các huyện biên giới của tỉnh Châu Đốc. (Bảng 1)

Tuy nhiên, xác định khu vực biên giới có vị trí quan trọng với vùng Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ, lực lượng cách mạng đã nỗ lực duy trì một số lượng lớn các chợ ở trên tuyến biên giới thông qua những con đường mòn và những kênh rạch bí mật. Ngoài ra, để đối phó với *chính sách thu mua lúa gạo* của chính quyền Sài Gòn, tháng 7/1973, Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo việc chống vơ vét lúa gạo, bảo vệ nguồn dự trữ và tiếp tế hậu cần và tăng cường mua gạo từ vùng do chính quyền Sài Gòn kiểm soát, đồng thời thực hiện chương trình tự túc lương thực, tự trồng lúa<sup>(21)</sup>. Đặc biệt, theo tài liệu phía chính quyền Sài Gòn thì lực lượng giải phóng đã “mua chuộc” các quan chức cũng như quân đội địa phương của cả phía chính quyền Sài Gòn và Campuchia khiến cho các biện pháp kiểm soát và quản lý biên giới của chính quyền Sài Gòn kém hiệu quả. Chính vì vậy, nguyên liệu, lương thực vẫn được vận chuyển qua các huyện biên giới vào Campuchia và ngược lại. Chính Hoa Kỳ và

chính quyền Sài Gòn cũng phải thừa nhận: “mặc dù chính phủ (VNCH) có những nỗ lực trong việc ngăn chặn việc vận chuyển lậu hàng hóa và triển khai các đợt tuần tra bằng máy bay và đường thủy tuy nhiên không phá vỡ được những nỗ lực tiếp tế của lực lượng giải phóng”<sup>(25)</sup>.

### 2.3. Nhu cầu buôn bán từ hai phía: Chính quyền Sài Gòn và chính quyền Campuchia

Việc trao đổi hàng hóa giữa chính quyền Sài Gòn và Campuchia đóng vai trò quan trọng trong ngoại thương của hai bên. Ngay từ cuối năm 1954, chính quyền “Quốc gia Việt Nam” ở miền Nam Việt Nam đã ký kết các văn bản quy định tàu thuyền của các nước có quan hệ ngoại giao với Việt Nam, Lào và Campuchia được tự do di chuyển trên sông Cửu Long<sup>(26)</sup>. Từ năm 1957, Bộ Kinh tế của chính quyền Sài Gòn đã dành cho các tỉnh có đường biên giới với Campuchia như Kiên Giang, An Giang, Kiến Phong, Kiến Tường, Long An, Tây Ninh, Bình Long và Phước Long liên một số ưu đãi trong mậu dịch biên giới với Campuchia<sup>(27)</sup>. Tuy nhiên, do những căng thẳng về chính trị nên quan hệ buôn bán

**Bảng 1. Số lượng hàng hóa và người bị bắt giữ ở khu vực biên giới từ tháng 1-11/1973**

Huyện	Số vụ	Số người bị bắt	Lúa nước (kg)	Gạo (kg)	Đường (kg)	Xăng (lít)	Dầu (lít)
Hồng Ngự	100	385	5.734	2.656	0	2.890	4.177
Tân Châu	346	1.133	26.887	47.857	6.974	2.161	1.580
Tịnh Biên	29	22	580	270	2.450	0	0
An Phú	72	152	197	2.225	1.442	1.365	100
Châu Phú	158	576	105.879	34.914	43.485	3.303	80
Hà Tiên	17	16	0	660	0	40	150
<b>Tổng</b>	<b>722</b>	<b>2.274</b>	<b>139.277</b>	<b>107.582</b>	<b>54.351</b>	<b>9.759</b>	<b>6.087</b>

Nguồn: Department of State (1974), *VC/NVA Economic Supply System Along Cambodia, Border of MR4 and GVN Economic blockage*, Can Tho, tr. 11.

hai bên hầu như không phát triển được, quan hệ ngoại giao cũng trong tình trạng căng thẳng, bị bao trùm bởi những tranh cãi, xung đột biên giới lãnh thổ. Kết quả là vào năm 1963, Campuchia tuyên bố cắt đứt quan hệ quan hệ chính trị, ngoại giao và kinh tế đối với chính quyền Sài Gòn<sup>(28)</sup>. Từ sau năm 1963, mặc dù quan hệ ngoại giao cắt đứt quan hệ ngoại giao và kinh tế, nhưng do nhu cầu và lợi ích nên các hoạt động buôn bán giữa bên vẫn tiếp diễn dưới các hình thức khác nhau.

Campuchia được hưởng lợi từ việc buôn bán với miền Nam Việt Nam vì nước này không phải bỏ ngoại tệ để nhập hàng, mà có thể sử dụng đồng tiền bản địa (đồng Riel) để mua các hàng hóa từ Mỹ và các nước đồng minh viện trợ cho chính quyền Sài Gòn. Các loại hàng hóa chủ yếu được nhập từ miền Nam Việt Nam gồm vải vóc, dầu hỏa, sữa cô đặc, thảo dược chữa bệnh, thuốc Tây, xì gà, phụ tùng xe đạp, xe máy và ô tô, đồ điện (radio, ti vi); thực phẩm chín, thịt hộp... để phục vụ tầng lớp trung lưu và quân đội của Campuchia. Vải vóc, đồ dùng gia đình, thuốc đông y, thuốc Bắc, được các thương nhân nhỏ sống ở các làng và huyện gần biên giới bán và tiêu thụ ở khu vực gần biên giới<sup>(29)</sup>.

Về hình thức vận chuyển, với hàng hóa được nhập theo con đường chính ngạch vào Campuchia được vận chuyển bằng các tàu của người ngoại quốc có nguồn gốc từ Anh, Pháp, Thụy Điển, Đan Mạch, Nhật, Úc... Trong khi các hàng hóa được chuyên chở trên các tàu thuyền có tải trọng nhỏ hơn như gạo, hàng buôn lậu, hàng điện tử, cơ khí và những hàng phục vụ cho gia đình thì chủ yếu được bốc dỡ ngay ở khu vực biên giới, sau đó được chuyển sang các tàu khác và được phân phối đi nhiều vùng, hoặc có thể đổ ra các chợ ở khu vực biên

giới cho những người bán buôn và bán lẻ. Hầu hết các hàng này là làm từ miền Nam Việt Nam. Việc chi trả thanh toán được thực hiện ngay và đôi khi là mua bán chịu. Ngoài ra, đối với một số hàng hóa có giá trị thấp khoảng từ 10.000 tới 50.000 \$VN (khoảng từ 85 đến 420 USD) thì được thu mua từ nhiều điểm ở Campuchia sau đó được vận chuyển tới người tiêu thụ và bán ra các cửa hàng.

Lợi ích thứ hai của việc buôn bán với miền Nam Việt Nam là Campuchia có thể xuất khẩu hàng nông sản như cá, cám gạo, ngô, các loại đậu, những mặt hàng vốn không thể xuất khẩu đi thị trường thế giới, thì lại có thể xuất sang miền Nam Việt Nam với giá phải chăng. Thông thường, hàng hóa từ Campuchia sang miền Nam Việt Nam là sản phẩm nông nghiệp và chỉ một lượng nhỏ là các sản phẩm công nghiệp, bao gồm: lợn, lợn sữa, cá khô, cá muối, ngô, các loại đậu đỗ, đường, thuốc lá, thuốc, thuốc phiện... Những hàng hóa này được vận chuyển đến khu vực biên giới thì được phân phối ngay tới người tiêu dùng. Đôi khi, hàng được lưu kho ở thủ phủ các tỉnh và các huyện gần biên giới trước khi dỡ hàng sang các xe tải, xe ba gác, xà lan hoặc thậm chí là máy bay<sup>(30)</sup>.

Về phần mình, chính quyền Sài Gòn cũng có lợi trong những hoạt động buôn bán này. Cho đến đầu thập niên 70 của thế kỷ XX, Mỹ thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh và Đông Dương hóa chiến tranh, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. Ở miền Nam Việt Nam, Mỹ và chính quyền Sài Gòn tăng cường chương trình "bình định nông thôn" và các hoạt động "tìm diệt" để ngăn chặn sự phát triển của lực lượng cách mạng. Trước tình hình đó, nhu cầu tiêu thụ hàng thực phẩm từ Campuchia và nhu cầu gửi hàng hóa của Mỹ

từ miền Nam Việt Nam sang Campuchia để hỗ trợ các cuộc hành quân của Mỹ - Sài Gòn ngày càng cao. Điều này đã làm gia tăng hàng hóa nhập khẩu từ Campuchia đặc biệt là các mặt hàng nông sản.

Bên cạnh đó, mặc dù chính quyền hai bên tiến hành các biện pháp kiểm soát gắt gao ở vùng biên giới nhưng có một bộ phận các quan chức ở địa phương và lực lượng phòng vệ biên giới muốn làm giàu từ hoạt động buôn bán này đã trực tiếp hoặc gián tiếp hỗ trợ phi vụ buôn lậu. Tài liệu từ phía Hoa Kỳ cho thấy, hàng hóa được vận chuyển qua khu vực biên giới ngoại trừ hàng chính ngạch, hầu hết là hàng trốn thuế, thậm chí các tàu hàng quốc tế cũng trốn thuế<sup>(31)</sup>. Các hàng buôn lậu chính là hóa chất, thuốc phiện, và tiền. Các nhóm biên phòng còn liên kết với nhau để tiến hành các hoạt động buôn lậu, còn các quan chức của chính quyền nhận hối lộ và cho phép hàng hóa được vận chuyển qua<sup>(32)</sup>.

Chợ Ca Sách (huyện Hồng Ngự, tỉnh Kiến Phong) là một trong những điểm cung cấp hàng hóa chủ yếu cho lực lượng giải phóng. Theo tài liệu của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn, các mặt hàng như gạo, thuốc và các mặt hàng khô được vận chuyển từ các chợ huyện Tân Châu dọc sông Mekong và tới các làng Thường Thới và Thường Phước của Hồng Ngự, sau đó lại ngược lên Ca Sách thông qua một vài những con kênh nhỏ phía bắc. Tuy nhiên, trên những điểm chợ quan trọng này lại không có trạm kiểm soát của chính quyền Sài Gòn. Theo lời kể của nguyên Đồn trưởng đồn biên phòng của Châu Đốc, từ tháng 8 đến tháng 10/1973, mỗi ngày, những người buôn lậu đã vận chuyển ít nhất 20 tấn gạo từ huyện lỵ Hồng Ngự tới chợ Ca Sách (tỉnh Kiến Phong) thông qua tuyến đường này. Mặc dù vậy, các quan

chức chính quyền ở đây đã không có động thái gì để ngăn chặn hoạt động của chợ này, ngược lại, chợ được hoạt động công khai và ngang nhiên do các “quan chức ở Sài Gòn đã nhận hối lộ của Việt cộng”<sup>(33)</sup>.

Một ví dụ khác là khu vực giữa Hồng Ngự (tỉnh Kiến Phong) và Krachap (tỉnh Prey Veng) là vùng yếu nhất trong khối “bao vây kinh tế” của chính quyền Sài Gòn. Theo nhận định của Hoa Kỳ và chính quyền Sài Gòn, chắc chắn các quan chức phụ trách ở đây đã nhận hối lộ, và vận chuyển gạo viện trợ của Hoa Kỳ tới vùng Tân Châu để buôn lậu, trong đó cơ quan kiểm tra đường thủy của Mỹ - Sài Gòn có liên quan tới các vụ tham ô này. Các quận trưởng quận An Phú, tỉnh trưởng Châu Đốc là những người đã nhận hối lộ để các hoạt động buôn bán này diễn ra khiến cho chính sách “bao vây kinh tế” của chính quyền VNCH ở khu vực này trở nên kém hiệu quả. Cùng với tướng lĩnh quân đội, vợ con của những quân nhân những người nằm ngoài hệ thống kiểm tra đã nhận hối lộ để chuyển hàng qua vùng bao vây kinh tế bởi vì đây là những đối tượng không phải chịu trách nhiệm trước luật pháp, được tự do buôn bán gạo và các hàng hóa khác để thu lời<sup>(34)</sup>. Đó là lý do khiến chính quyền Sài Gòn không thể ngăn chặn dòng vận chuyển hàng hóa qua biên giới.

## Kết luận

Vùng biên giới giữa miền Nam Việt Nam với Campuchia có một vị trí quan trọng trong trao đổi hàng hóa giữa hai bên. Trong những giai đoạn 1963 - 1975, bất chấp việc Campuchia và chính quyền Sài Gòn cắt đứt quan hệ ngoại giao, các hoạt động giao thương, buôn bán ở khu vực biên giới này vẫn tiếp diễn một cách sôi động,

với nhiều hình thức đa dạng (cả chính ngạch và tiểu ngạch), thông qua hàng trăm điểm buôn bán dọc theo hai bên đường biên giới. Các hoạt động buôn bán này không chỉ diễn ra giữa Campuchia với chính quyền Sài Gòn, mà còn liên quan đến nhiều chủ thể khác, bao gồm một số nước tư bản, các cư dân sống ở hai bên đường biên giới, và lực lượng của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam. Nói cách khác, lợi ích mà việc buôn bán mang lại cho các bên là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hoạt động buôn bán ở khu vực biên giới giữa miền Nam Việt Nam và Campuchia vẫn diễn ra sôi động.

## CHÚ THÍCH

1. Angel R. Del Valle, (1970), *Financial and Economic Activities, VC Region 2 – Border Area*, United States Military Assistance Command Vietnam, tr. 20.
2. Angel R. Del Valle, (1970), *Financial and Economic Activities, VC Region 2 – Border Area*, United States Military Assistance Command Vietnam, tr. 7.
3. Central Intelligence Agency (1965), *Cambodia and the Viet Cong*, SC. No 10527/65, tr. A-3.
4. Directorate of Intelligence (1968), *Impact on Cambodia of the Closure of the Mekong to International Shipping*, Intelligence Memorandum, Central Intelligence Agency, tr. 3
5. Directorate of Intelligence (1968), *Impact on Cambodia of the Closure of the Mekong to International Shipping*, Intelligence Memorandum, Central Intelligence Agency, tr. 5.
6. Angel R. Del Valle, (1970), *Financial and Economic Activities, VC Region 2 – Border Area*, United States Military Assistance Command Vietnam, tr. 4
7. Richard Smaby (1970), *Situation in the VN-Cambodia Border Area, 180<sup>th</sup> Armed, Security Regt, Security Section, COSVN (U)*, Captured Enemy Document, tr.2-3.
8. National Intelligence Survey (1972), *Cambodia General Survey*, Central Intelligence Agency, tr. 66
9. Angel R. Del Valle, (1970), *Financial and Economic Activities, VC Region 2 – Border Area*, United States Military Assistance Command Vietnam, tr. 8.
10. Department of State (1974), *VC/NVA Economic Supply System Along Cambodia, Border of MR4 and GVN Economic blockage*, Can Tho, tr. 6
11. Department of State (1974), *VC/NVA Economic Supply System Along Cambodia, Border of MR4 and GVN Economic blockage*, Can Tho, tr. 8
12. M. B. Schaffer and M. G. Weiner (1971), *Border Security in South Vietnam*, The Rand Corporation, tr. 33.
13. Angel R. Del Valle, (1970), *Financial and Economic Activities, VC Region 2 – Border Area*, United States Military Assistance Command Vietnam, tr. 5
14. Angel R. Del Valle, (1970), *Financial and Economic Activities, VC Region 2 – Border Area*, United States Military Assistance Command Vietnam, tr. 5-6
15. Angel R. Del Valle, (1970), *Financial and Economic Activities, VC Region 2 – Border Area*, United States Military Assistance Command Vietnam, tr. 22
16. V. J. Coizat (1969), *The Development of the Plain of Reeds: Some Politico-Military Implications*, tr. 22.
17. *Memorandum From the Under Secretary of State for Political Affairs' Special Assistant (Jordan) to the Under Secretary (Harriman) (1963)*, Foreign Relations of the United States, 1961-1963, Volume IV, Vietnam, August – December 1963 và Office of Research and Reports (1966), *Cargoes Move Through Ports of North Vietnam and Shianoukville, Cambodia in*



- 1965, and Cambodia as a Source of Suppliers for the Viet Cong, Central Intelligence Agency, tr. 2.
18. Department of State (1974), *VC/NVA Economic Supply System Along Cambodia, Border of MR4 and GVN Economic blockage*, Can Tho, tr. 5
  19. Central Intelligence Agency (1965), *Cambodia and the Viet Cong*, SC. No 10527/65, tr. 7
  20. Central Intelligence Agency (1965), *Cambodia and the Viet Cong*, SC. No 10527/65, tr. A-2
  21. Department of State (1974), *VC/NVA Economic Supply System Along Cambodia, Border of MR4 and GVN Economic blockage*, Can Tho, tr.3- 8
  22. Những vùng trên được cho là đã được lực lượng giải phóng và “cộng sản” Khmer kiểm soát toàn bộ dọc khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia tới Vịnh Thái Lan và tới biên giới phía đông của kinh Kiến Phong (Department of State (1974), *VC/NVA Economic Supply System Along Cambodia, Border of MR4 and GVN Economic blockage*, Can Tho, tr. 3, tr. 12.)
  23. Department of State (1974), *VC/NVA Economic Supply System Along Cambodia, Border of MR4 and GVN Economic blockage*, Can Tho, tr. 9
  24. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh – Viện Lịch sử Đảng (2002). *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 969.
  25. Department of State (1974), *VC/NVA Economic Supply System Along Cambodia, Border of MR4 and GVN Economic blockage*, Can Tho, tr. 7.
  26. Từ ngày 29-12 đến ngày 30-12-1954, “Quốc gia Việt Nam” chính thể ở miền Nam Việt Nam và Campuchia đã ký kết các văn bản: Hiệp định về chế độ lưu thông trên sông Cửu Long và quyền ra vào thương khẩu Sài Gòn (có Lào cùng tham gia); Hiệp định về việc sử dụng thương cảng Sài Gòn và các văn kiện trao đổi về khu vực riêng biệt trong thương cảng Sài Gòn, về việc áp dụng luật lệ Việt Nam cho các hàng hóa thông qua và Hiệp định về liên lạc quan thuế giữa “Quốc gia Việt Nam” và Campuchia. Những hiệp định này là văn kiện xác lập những quy chế đầu tiên trong quan hệ giữa “Quốc gia Việt Nam” và Campuchia mà trước đây do nằm trong một đơn vị thuộc địa chung nên những vấn đề trong hiệp định không được đặt ra. Đây là những hiệp định quan trọng đối với Campuchia khi mà việc vận chuyển hàng hóa bằng đường sông Cửu Long thông qua thương cảng Sài Gòn giữ vị trí chủ yếu trong việc giao thương giữa Campuchia với quốc tế. (Việt Nam Cộng hòa (1955), *Công báo Việt Nam Cộng hòa*, ngày 5/3/1955, tr. 529-530.)
  27. *Hồ sơ v/v giao thương với Miên - Lào năm 1956-1961*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Phòng Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, Hồ sơ số 1958, tr. 06-07.
  28. Malcolm Caldwell (1973), *Cambodia in the Southeast Asian War*, Monthly Review Press, New York and London, tr. 123.
  29. Angel R. Del Valle, (1970), *Financial and Economic Activities, VC Region 2 – Border Area*, United States Military Assistance Command Vietnam, tr. 19.
  30. Angel R. Del Valle, (1970), *Financial and Economic Activities, VC Region 2 – Border Area*, United States Military Assistance Command Vietnam, tr. 19
  31. Angel R. Del Valle, (1970), *Financial and Economic Activities, VC Region 2 – Border Area*, United States Military Assistance Command Vietnam, tr. 20
  32. Department of State (1974), *VC/NVA Economic Supply System Along Cambodia, Border of MR4 and GVN Economic blockage*. Can Tho, tr. 6.
  33. Department of State (1974), *VC/NVA Economic Supply System Along Cambodia, Border of MR4 and GVN Economic blockage*. Can Tho, tr. 14.
  34. Department of State (1974). *VC/NVA Economic Supply System Along Cambodia, Border of MR4 and GVN Economic blockage*, Can Tho, tr. 7.